

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

---

**Tháng 3 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 46

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Dương Khuê	Chủ tịch	Trúng cử ngày 22/8/2014
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 09/7/2014
Ông Hoàng Minh Khang	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 04/3/2014
Ông Nguyễn Song Hải	Ủy viên	Trúng cử ngày 22/8/2014
Ông Trần Việt	Ủy viên	Trúng cử ngày 21/8/2014

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Song Hải	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 10/7/2014
Ông Dương Khuê	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 10/7/2014
Ông Trần Cao Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Nghi hưu ngày 01/5/2014
Ông Hoàng Minh Khang	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 04/3/2014
Ông Hồ Lê Hùng	Giám đốc điều hành	Bỏ nhiệm ngày 03/9/2014
Ông Nguyễn Trí Sơn	Giám đốc điều hành	Bỏ nhiệm ngày 03/9/2014
Bà Nguyễn Thị Tứ	Giám đốc điều hành	Bỏ nhiệm ngày 15/01/2014

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính tổng hợp cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

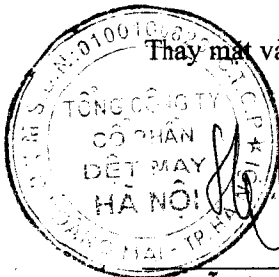
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÀ NỘI**  
Số 25, Ngõ 13, Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Song Hải**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2015*

Số: 46 /2015/BCTC-VAHP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 09/3/2015, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



*Handwritten signature of Vũ Thị Hương Giang*

**Vũ Thị Hương Giang**  
**Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0388-2013-Q55-1

**Thay mặt và đại diện**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2015

*Handwritten signature of Tạ Thị Việt Phương*

**Tạ Thị Việt Phương**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1445-2013-055-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>778.636.043.289</b>	<b>703.974.954.012</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>05</b>	<b>54.704.790.431</b>	<b>84.710.844.560</b>
1. Tiền	111		19.704.790.431	18.879.944.560
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	65.830.900.000
<b>III- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>578.480.223.953</b>	<b>483.057.225.987</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		208.314.170.384	190.194.589.305
2. Trả trước cho người bán	132		5.117.277.365	5.880.757.787
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>07</b>	370.603.950.723	293.090.509.367
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	<b>06</b>	(5.555.174.519)	(6.108.630.472)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>08</b>	<b>123.655.037.128</b>	<b>115.842.424.033</b>
1. Hàng tồn kho	141		139.994.626.051	121.265.429.333
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.339.588.923)	(5.423.005.300)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.795.991.777</b>	<b>20.364.459.432</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.593.939.005	20.185.062.064
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>09</b>	4.997.368	4.997.368
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>10</b>	197.055.404	174.400.000
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>322.970.984.134</b>	<b>344.714.631.094</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>135.705.520.219</b>	<b>147.914.250.544</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>11</b>	121.817.896.798	133.721.962.624
- Nguyên giá	222		229.597.720.989	242.113.650.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.779.824.191)	(108.391.687.485)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>12</b>	13.887.623.421	14.192.287.920
- Nguyên giá	228		14.600.533.191	14.600.533.191
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(712.909.770)	(408.245.271)
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>186.541.797.070</b>	<b>192.427.726.799</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>13</b>	140.738.197.191	140.738.197.191
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>13</b>	47.209.297.930	47.959.297.930
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>13</b>	45.510.000.000	45.510.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	<b>13</b>	(46.915.698.051)	(41.779.768.322)
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>723.666.845</b>	<b>4.372.653.751</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>14</b>	723.666.845	4.372.653.751
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>280</b>		<b>1.101.607.027.423</b>	<b>1.048.689.585.106</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN  
Đơn vị tính: VND

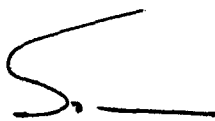
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>843.910.356.995</b>	<b>814.931.807.949</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>506.846.940.194</b>	<b>602.250.725.587</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	303.399.335.168	333.425.004.325
2. Phải trả cho người bán	312		93.498.281.378	142.726.924.034
3. Người mua trả tiền trước	313		5.210.615.893	8.615.021.215
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.573.613.129	1.890.275.423
5. Phải trả người lao động	315		27.826.094.542	15.846.888.760
6. Chi phí phải trả	316	17	5.587.418.417	14.884.297.896
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	44.745.970.547	55.635.152.814
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		25.005.611.120	29.227.161.120
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>337.063.416.801</b>	<b>212.681.082.362</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	19	217.772.411.176	61.436.236.340
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		119.291.005.625	151.244.846.022
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>257.696.670.428</b>	<b>233.757.777.157</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>257.696.670.428</b>	<b>233.757.777.157</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	205.000.000.000	205.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	12.334.601.128	12.334.601.128
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	20	2.537.523.184	2.537.523.184
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	37.824.546.116	13.885.652.845
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (540=300+400)</b>	<b>540</b>		<b>1.101.607.027.423</b>	<b>1.048.689.585.106</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
<i>Đô la Mỹ - USD</i>	123.154,28	1.700.383,61
<i>Đồng tiền chung Châu Âu - EUR</i>	1.007,61	1.014,75

Người lập biểu



Đỗ Minh Sơn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trí Sơn

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc




Nguyễn Song Hải



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Năm 2014

Mẫu số B 02 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	936.803.979.032	785.008.330.034
2. Các khoản giảm trừ	02	21	124.152.661	78.568.251
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	936.679.826.371	784.929.761.783
4. Giá vốn hàng bán	11	22	874.528.591.153	747.058.061.745
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		62.151.235.218	37.871.700.038
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	24.148.260.319	8.356.884.144
7. Chi phí tài chính	22	24	38.268.782.037	39.500.369.714
Trong đó: chi phí lãi vay		23	24.720.455.887	21.287.928.271
8. Chi phí bán hàng	24		16.507.851.928	14.418.458.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.005.488.756	30.754.454.557
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(8.482.627.184)	(38.444.698.437)
11. Thu nhập khác	31	25	38.726.695.370	136.254.959.909
12. Chi phí khác	32	25	3.908.148.580	83.294.517.149
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	25	34.818.546.790	52.960.442.760
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		26.335.919.606	14.515.744.323
15.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.397.026.335	3.181.047.498
15.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		23.938.893.271	11.334.696.825
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.168	553

Người lập biểu



Đỗ Minh Sơn

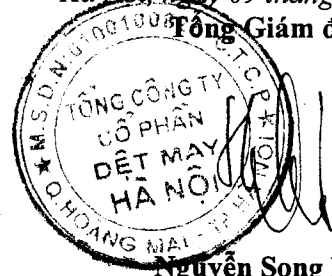
Kế toán trưởng



Nguyễn Trí Sơn

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Song Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2014

Mẫu số B 03 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	838.320.635.290	596.264.085.934
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(734.073.603.516)	(572.763.297.548)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(28.769.523.220)	(16.850.899.062)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(24.555.409.744)	(18.161.557.106)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.105.674.627)	(24.528.311.576)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	146.200.745.114	72.105.191.779
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(350.946.325.033)	(85.286.748.782)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(156.929.155.736)</b>	<b>(49.221.536.361)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.145.728.545)	(65.847.788.893)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.267.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(288.854.500.000)	(194.332.200.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	289.017.000.000	234.630.885.797
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.150.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.450.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.768.561.922	5.120.518.576
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>14.052.606.104</b>	<b>(27.128.584.520)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	921.280.233.121	507.383.410.465
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(799.974.863.632)	(383.497.397.328)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.471.293.239)	(3.407.225.990)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>112.834.076.250</b>	<b>120.478.787.147</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50=20+30+40)	<b>50</b>	<b>(30.042.473.382)</b>	<b>44.128.666.266</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>84.710.844.560</b>	<b>40.555.230.163</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	36.419.253	26.948.131
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> (70=50+60+61)	<b>70</b>	<b>54.704.790.431</b>	<b>84.710.844.560</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Cơ điện Hanosimex được bù trừ với khoản vay với số tiền là 750.000.000 VND.

Tiền cổ tức nhận sẽ được nhận phản ánh ở chi tiêu phải thu, được bù trừ các khoản phải trả, số tiền là 3.809.400.000 VND.

Tiền cổ tức phải thanh toán phản ánh ở chi tiêu phải trả được bù trừ với các khoản phải thu, số tiền là 5.517.840.000 VND.

Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được không bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện là 3.315.178.764 VND và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là 2.439.957.426 VND.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán là 575.661.208 VND.

Chi phí lãi vay phát sinh trong năm bao gồm điều chỉnh dự phòng phải trả dài hạn với số tiền 428.657.957 VND.

Người lập biểu



**Đỗ Minh Sơn**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Trí Sơn**

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Song Hải**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

*Hình thức sở hữu vốn*

Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (gọi tắt là "Tổng công ty") được thành lập theo Quyết định số 04/2007/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 11/01/2007 về việc thành lập Tổng công ty Dệt - May Hà Nội trên cơ sở tổ chức lại Công ty Dệt - May Hà Nội thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100826 ngày 22/01/2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 18/01/2011, thay đổi lần thứ hai ngày 22/8/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 02/02/2012, thay đổi lần thứ tư ngày 19/11/2013, thay đổi lần thứ năm ngày 18/12/2013, thay đổi lần thứ sáu ngày 21/8/2014, thay đổi lần thứ bảy ngày 05/9/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ: 205.000.000.000 VND.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.

*Ngành nghề kinh doanh:*

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng nhà ở, văn phòng cho thuê.
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng nhà dành cho sản xuất công nghiệp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: lập dự án đầu tư và xây dựng nhà, văn phòng cho thuê (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: quản lý, khai thác, kinh doanh các dịch vụ trong khu chung cư, khu đô thị, khu dân cư tập trung;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: quản lý, khai thác, kinh doanh bãi đỗ xe.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản. Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, hệ thống điện lạnh, thiết bị phụ trợ công nghiệp và dân dụng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: dịch vụ đào tạo, đào tạo công nhân kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ khoa học, công nghệ;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị công nghiệp.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: kinh doanh siêu thị;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh vui chơi, giải trí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng phương tiện ô tô;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng phương tiện ô tô;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kinh doanh kho vận;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất nguyên liệu bông, xơ, phụ liệu, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), thuốc nhuộm, thiết bị, máy móc công nghệ, vật liệu điện, điện tử, nhựa, cao su, các mặt hàng tiêu dùng. Sản xuất các loại sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, thiết bị, phụ tùng, bao bì ngành may;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh nguyên liệu bông, xơ, phụ liệu, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), thuốc nhuộm, thiết bị, máy móc công nghệ, vật liệu điện, điện tử, nhựa, cao su, các mặt hàng tiêu dùng, kinh doanh các loại sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, thiết bị, phụ tùng, bao bì ngành may;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: xuất nhập khẩu nguyên liệu bông, xơ, phụ liệu, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); thuốc nhuộm; thiết bị, máy móc công nghệ; vật liệu điện, điện tử, nhựa, cao su, các mặt hàng tiêu dùng. Xuất nhập khẩu các loại sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, thiết bị, phụ tùng, bao bì ngành dệt may;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: môi giới thương mại.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại: số 25 ngõ 13 đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

**Tổng công ty có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc sau:**

Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại Bắc Ninh được thành lập theo Quyết định số 147/QĐ/DMHN-TGD ngày 28/2/2011. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100826-017 đăng ký lần đầu ngày 14/3/2011, thay đổi lần thứ hai ngày 26/3/2013, thay đổi lần thứ ba ngày 24/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp. Địa chỉ: Km 12 Quốc lộ 18, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.

Chi nhánh Tổng công ty Dệt May Hà Nội - Cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Vinh được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu số 2713000222 ngày 07/4/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp. Địa chỉ: Số 33 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại Nam Đàn được thành lập theo Quyết định số 244/QĐ-DMHN-TGD của Hội đồng quản trị. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 01011100826-003 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp.

Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại Hà Nam được thành lập theo Quyết định số 53/2014/QĐ-HĐQT ngày 06/6/2014 của Hội đồng quản trị. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100826-018 đăng ký lần đầu ngày 18/6/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Tổng công ty và Chi nhánh Tổng công ty Dệt May Hà Nội tại Bắc Ninh, Chi nhánh Tổng công ty Dệt May Hà Nội tại Nam Đàn, Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại Hà Nam sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ và các giao dịch nội bộ trong năm.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật kí chung.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Tổng công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó và được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng Tổng công ty mở tài khoản tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí hoạt động tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2014 là 21.371 VND/USD và 25.888 VND/EUR; 31/12/2013 là 21.077 VND/USD.

Đối với các khoản có gốc ngoại tệ, Tổng công ty đồng thời theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết các tài khoản và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

#### **4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Tổng công ty được đánh giá theo chi phí nguyên liệu chính của sản phẩm trên các công đoạn sản xuất.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp tính giá thành giản đơn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém, mất phẩm chất, giảm giá là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ trường hợp các tài sản được đánh giá lại khi cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 07
Dụng cụ quản lý	03 - 07

**4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là các chi phí thực tế bỏ ra (chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí san lấp mặt bằng) để có quyền sử dụng 68.540 m<sup>2</sup> đất tại Khu công nghiệp Nam Giang, Xã Nam Giang, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An với thời hạn sử dụng đất đến 12/11/2060. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng đất (47 năm kể từ ngày 01/8/2013).

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính gồm hệ thống chương trình phần mềm ứng dụng, hệ thống phần mềm quản lý ngành may và phần mềm máy chấm công, được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm kể từ khi đưa vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**4.8 Các khoản đầu tư tài chính**

**- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con:**

Vốn đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo giá gốc. Các khoản thu nhập được chia từ Công ty con (cổ tức, lợi nhuận) cho giai đoạn sau ngày đầu tư được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính của Tổng công ty. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư từ Công ty con được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

Năm 2014, Tổng công ty ghi nhận cổ tức từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan, Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex, Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex, Công ty Cổ phần May Halotexco với số tiền lần lượt là 3.809.400.000 VND, 255.350.000 VND, 1.170.000.000 VND và 281.625.000 VND.

**- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:**

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản thu nhập được chia từ Công ty liên kết (cổ tức, lợi nhuận) cho giai đoạn sau ngày đầu tư được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư từ Công ty liên kết được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Năm 2014, Tổng công ty ghi nhận cổ tức từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần May Đông Mỹ, Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông với số tiền lần lượt là 185.440.000 VND, 1.114.636.000 VND.

**- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác:**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm: đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Hà Châu, cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng công nghiệp & Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam - VINATEX ITC (tên cũ là Công ty Cổ phần Bất động sản Dệt May Việt Nam - VINATEXLAND), cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Hà Nội, cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Năm 2014, Tổng công ty ghi nhận cổ tức từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng công nghiệp & Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam - VINATEX ITC (tên cũ là Công ty Cổ phần Bất động sản Dệt May Việt Nam - VINATEXLAND), Công ty Cổ phần Phát triển Nam Hà Nội với số tiền lần lượt là 1.044.000.000 VND, 10.000.000.000 VND.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư lớn hơn giá trị thị trường của chúng (hoặc phần sở hữu tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

**4.9 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là các công cụ, dụng cụ, tiền thuê văn phòng và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ trong thời gian từ 12 tháng trở lên kể từ khi đưa vào sử dụng.

**4.10 Các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**4.11 Ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả tại 31/12/2014 là chi phí trích trước tiền điện, tiền lãi vay, thuê mặt bằng, tiền điện thoại và tiền lương phải trả.

**4.12 Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi trả để tuyên dụng, đào tạo lao động và các chi phí chuẩn bị dự án cho nhà máy tại Hà Nam và Nam Đàn.

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2014 bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**4.14 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng ghi nhận căn cứ theo hóa đơn đã phát hành và thời điểm ghi nhận doanh thu là khi thành phẩm xuất ra khỏi kho.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, chênh lệch tỷ giá và doanh thu tài chính khác được ghi nhận cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn; và
- Chênh lệch tỷ giá: phản ánh các khoản lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán 31/12/2014.
- Doanh thu tài chính khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

**4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ bao gồm lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá, dự phòng giảm giá khoản đầu tư và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế;
- Chênh lệch tỷ giá: phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán 31/12/2014.
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích theo quy định.

**4.16 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**4.17 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác,.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Tổng công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.18 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc một bên chịu sự kiểm soát hoặc bị ảnh hưởng đáng kể trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Tổng công ty.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam góp 57,57% vốn điều lệ và có khả năng kiểm soát đối với Tổng công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Công ty mẹ và được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Tổng công ty có các Công ty con là Công ty TNHH MTV Hà Nam Hanosimex (góp 100% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan (góp 75,58% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex (góp 51,07% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex (góp 65,00% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần May Halotexco (góp 53,64% vốn điều lệ). Công ty Cổ phần May Hải Phòng đang thực hiện làm thủ tục giải thể căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18/5/2013. Tổng công ty có các Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Coffee Indochina (góp 33,40% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần May Đông Mỹ (góp 28,98% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông (góp 42,87% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Vinatex - Hồng Lĩnh (góp 31,25% vốn điều lệ). Theo đó, các Công ty này được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>584.193.303</b>	<b>305.080.842</b>
Văn phòng	445.004.826	216.021.269
Chi nhánh Bắc Ninh	71.698.116	25.284.340
Chi nhánh Nam Đàn	38.785.794	63.775.233
Chi nhánh Hà Nam	28.704.567	-
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>19.120.597.128</b>	<b>18.574.863.718</b>
Văn phòng	18.672.547.478	18.410.849.665
Chi nhánh Bắc Ninh	210.989.851	99.945.485
Chi nhánh Nam Đàn	20.761.941	64.068.568
Chi nhánh Hà Nam	216.297.858	-
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>65.830.900.000</b>
Văn phòng	35.000.000.000	65.830.900.000
<b>Cộng</b>	<b>54.704.790.431</b>	<b>84.710.844.560</b>

**6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	6.108.630.472	3.998.606.928
Trích lập dự phòng	138.351.296	3.608.634.982
Hoàn nhập dự phòng	691.807.249	1.498.611.438
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.555.174.519</b>	<b>6.108.630.472</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
<b>Văn phòng</b>	<b>370.603.950.723</b>	<b>292.982.308.181</b>
Phải thu tiền hỗ trợ di dời	5.200.000.000	91.306.380.050
<i>Phải thu tiền hỗ trợ di dời - Sở Tài chính</i>	-	86.106.380.050
<i>Hỗ trợ di dời cho Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex</i>	5.200.000.000	5.200.000.000
Cho vay	3.925.333.000	6.925.333.000
<i>Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex</i>	1.792.000.000	1.792.000.000
<i>Công ty Cổ phần Coffee Indochina</i>	133.333.000	133.333.000
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex</i>	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex</i>	-	3.000.000.000
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	119.375.000	14.202.038
Phải thu khác	361.095.017.575	194.736.393.093
<i>Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex</i>	255.350.000	-
Phải thu từ cơ quan Bảo hiểm xã hội	8.875.148	-
<b>Chi nhánh Bắc Ninh</b>	-	<b>11.124.442</b>
Phải thu từ cơ quan Bảo hiểm xã hội	-	11.124.442
<b>Chi nhánh Nam Đàn</b>	-	<b>97.076.744</b>
Phải thu khác	-	97.076.744
<b>Cộng</b>	<b><u>370.603.950.723</u></b>	<b><u>293.090.509.367</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
<b>Hàng mua đang đi trên đường</b>	<b>25.486.485.145</b>	-
Văn phòng	25.486.485.145	-
<b>Nguyên liệu, vật liệu tồn kho</b>	<b>44.437.016.669</b>	<b>30.629.459.215</b>
Văn phòng	42.124.331.668	27.274.616.942
Chi nhánh Bắc Ninh	2.308.029.052	3.344.564.788
Chi nhánh Nam Đàn	4.655.949	10.277.485
<b>Công cụ, dụng cụ trong kho</b>	<b>409.740.171</b>	<b>169.760.980</b>
Văn phòng	409.740.171	169.590.169
Chi nhánh Nam Đàn	-	170.811
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</b>	<b>8.014.780.481</b>	<b>23.377.309.647</b>
Văn phòng	8.014.780.481	23.377.309.647
<b>Thành phẩm tồn kho</b>	<b>61.646.603.585</b>	<b>67.088.899.491</b>
Văn phòng	61.403.074.488	66.707.420.806
Chi nhánh Bắc Ninh	-	1.261.708
Chi nhánh Nam Đàn	243.529.097	380.216.977
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>(16.339.588.923)</b>	<b>(5.423.005.300)</b>
Văn phòng	(14.519.561.628)	(5.259.023.897)
Chi nhánh Bắc Ninh	(1.820.027.295)	(163.981.403)
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b><u>123.655.037.128</u></b>	<b><u>115.842.424.033</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU CỦA NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Văn phòng		
Thuế giá trị gia tăng	4.997.368	4.997.368
<b>Cộng</b>	<b><u>4.997.368</u></b>	<b><u>4.997.368</u></b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Tạm ứng	197.055.404	174.400.000
Văn phòng	184.400.000	164.400.000
Chi nhánh Bắc Ninh	10.000.000	10.000.000
Chi nhánh Hà Nam	2.655.404	
<b>Cộng</b>	<b><u>197.055.404</u></b>	<b><u>174.400.000</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÀ NỘI**  
Số 25, Ngõ 13, Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ Quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	83.292.382.485	147.569.691.183	9.894.009.230	1.357.567.211	242.113.650.109
Tăng trong năm	-	3.840.094.010	96.000.000	-	3.936.094.010
Mua sắm mới	-	3.625.389.753	96.000.000	-	3.721.389.753
Tăng khác	-	214.704.257	-	-	214.704.257
Giảm trong năm	577.624.003	15.874.399.127	-	-	16.452.023.130
Thanh lý nhượng bán	-	15.874.399.127	-	-	15.874.399.127
Giảm khác	577.624.003	-	-	-	577.624.003
Số dư tại 31/12/2014	82.714.758.482	135.535.386.066	9.990.009.230	1.357.567.211	229.597.720.989
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	7.507.906.344	94.447.258.413	5.282.451.544	1.154.071.184	108.391.687.485
Tăng trong năm	3.214.338.241	9.571.378.810	1.105.670.726	52.825.310	13.944.213.087
Khấu hao trong năm	3.214.338.241	9.356.674.553	1.105.670.726	52.825.310	13.729.508.830
Tăng khác	-	214.704.257	-	-	214.704.257
Giảm trong năm	-	14.556.076.381	-	-	14.556.076.381
Thanh lý nhượng bán	-	14.556.076.381	-	-	14.556.076.381
Số dư tại 31/12/2014	10.722.244.585	89.462.560.842	6.388.122.270	1.206.896.494	107.779.824.191
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2014	75.784.476.141	53.122.432.770	4.611.557.686	203.496.027	133.721.962.624
Số dư tại 31/12/2014	71.992.513.897	46.072.825.224	3.601.886.960	150.670.717	121.817.896.798

Tại 31/12/2014, Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 34.812.824.959 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	14.319.231.461	281.301.730	14.600.533.191
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	14.319.231.461	281.301.730	14.600.533.191
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	126.943.541	281.301.730	408.245.271
Tăng trong năm	304.664.499	-	304.664.499
Khấu hao trong năm	304.664.499	-	304.664.499
Giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	431.608.040	281.301.730	712.909.770
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2014	14.192.287.920	-	14.192.287.920
Số dư tại 31/12/2014	13.887.623.421	-	13.887.623.421

Tại 31/12/2014, Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao còn sử dụng là 281.301.730 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		<b>140.738.197.191</b>		<b>140.738.197.191</b>
Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan	2.539.600	26.653.336.785	2.539.600	26.653.336.785
Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex	510.700	5.107.360.406	510.700	5.107.360.406
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	585.000	5.850.000.000	585.000	5.850.000.000
Công ty Cổ phần May Halotexco	187.750	1.877.500.000	187.750	1.877.500.000
Công ty Cổ phần May Hải Phòng	125.000	1.250.000.000	125.000	1.250.000.000
Công ty TNHH MTV Hà Nam Hanosimex		100.000.000.000		100.000.000.000
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>		<b>47.209.297.930</b>		<b>47.959.297.930</b>
Công ty Cổ phần Coffee Indochina	51.570	585.750.000	51.570	585.750.000
Công ty Cổ phần May Đông Mỹ	115.900	1.319.953.370	115.900	1.319.953.370
Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông	557.318	6.303.594.560	557.318	6.303.594.560
Công ty Cổ phần Cơ điện Hanosimex	-	-	75.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex - Hồng Lĩnh	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Dệt kim Hancsimex	1.400.000	14.000.000.000	1.400.000	14.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>45.510.000.000</b>		<b>45.510.000.000</b>
Công ty Cổ phần SX & TM Hà Châu	151.000	1.510.000.000	151.000	1.510.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dệt may	2.088.000	18.000.000.000	2.088.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Hà Nội	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần SXKD Nguyên liệu dệt may Việt Nam	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
<b>Dự phòng đầu tư dài hạn</b>		<b>(46.915.698.051)</b>		<b>(41.779.768.322)</b>
Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex		(4.181.956.647)		(4.636.544.552)
Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex		(3.400.215.365)		(3.447.638.343)
Công ty Cổ phần May Hải Phòng		(1.250.000.000)		(1.250.000.000)
Công ty TNHH MTV Hà Nam Hanosimex		(35.337.481.525)		(29.718.705.526)
Công ty Cổ phần Coffee Indochina		(585.750.000)		(585.750.000)
Công ty Cổ phần SX & TM Hà Châu		(929.065.897)		(929.065.897)
Công ty Cổ phần SXKD Nguyên liệu dệt may Việt Nam		(917.256.069)		(680.076.072)
Công ty Cổ phần Vinatex - Hồng Lĩnh		(313.972.548)		(531.987.932)
<b>Đầu tư dài hạn thuần</b>		<b>186.541.797.070</b>		<b>192.427.726.799</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Công cụ, dụng cụ</b>	<b>723.666.845</b>	<b>4.372.653.751</b>
Văn phòng	723.666.845	360.360.000
Chi nhánh Nam Đàn	-	4.012.293.751
<b>Cộng</b>	<b>723.666.845</b>	<b>4.372.653.751</b>

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Văn phòng</b>		
<b>Vay và nợ ngắn hạn [1]</b>	<b>273.325.495.268</b>	<b>304.188.290.033</b>
<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>273.325.495.268</u>	<u>218.438.290.033</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	103.792.189.917	46.145.656.759
Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Hà Nội	50.591.649.510	65.008.801.870
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I	106.377.288.045	50.756.623.633
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hà Thành	12.564.367.796	56.527.207.771
<u>Vay ngắn hạn đối tượng khác</u>	-	<u>85.750.000.000</u>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	55.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Hanosimex	-	750.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả [2]</b>	<b>30.073.839.900</b>	<b>29.236.714.292</b>
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội	7.290.593.500	16.757.094.007
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I	-	4.319.620.285
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hưng Yên	8.160.000.000	8.160.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	14.623.246.400	-
<b>Cộng</b>	<b>303.399.335.168</b>	<b>333.425.004.325</b>

[1]: Các khoản vay Ngân hàng được rút bằng VND hoặc Đô la Mỹ (USD), chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Tổng công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động sử dụng vào sản xuất kinh doanh.

[2]: Nợ dài hạn đến hạn trả được trình bày tại thuyết minh số 19.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Thuế giá trị gia tăng</b>	<b>981.318.220</b>	<b>707.919.001</b>
Văn phòng	-	547.744.807
Chi nhánh Bắc Ninh	350.415.428	160.174.194
Chi nhánh Nam Đàn	254.091.339	-
Chi nhánh Hà Nam	376.811.453	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>472.048.072</b>	<b>1.180.696.364</b>
Văn phòng	472.048.072	1.180.696.364
<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>120.246.837</b>	<b>1.660.058</b>
Văn phòng	119.248.585	1.660.058
Chi nhánh Bắc Ninh	998.252	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.573.613.129</u></b>	<b><u>1.890.275.423</u></b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Văn phòng</b>	<b>4.621.645.387</b>	<b>3.559.987.811</b>
Chi phí lãi vay	221.645.387	485.257.201
Trích trước chi phí tiền lương	4.400.000.000	2.331.547.601
Chi phí phải trả khác	-	743.183.009
<b>Chi nhánh Nam Đàn</b>	<b>454.090.403</b>	<b>11.324.310.085</b>
Chi phí phải trả về xây dựng nhà xưởng	-	11.040.221.402
Chi phí phải trả khác	454.090.403	284.088.683
<b>Chi nhánh Bắc Ninh</b>	<b>5.208.827</b>	-
Chi phí phải trả khác	5.208.827	-
<b>Chi nhánh Hà Nam</b>	<b>506.473.800</b>	-
Chi phí phải trả khác	506.473.800	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.587.418.417</u></b>	<b><u>14.884.297.896</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Kinh phí công đoàn</b>	<b>1.134.210.964</b>	<b>660.000.758</b>
Văn phòng	981.342.384	592.295.698
Chi nhánh Nam Đàn	152.868.580	67.705.060
<b>Bảo hiểm xã hội</b>	<b>70.754.443</b>	<b>422.053.680</b>
Chi nhánh Bắc Ninh	29.801.330	-
Chi nhánh Nam Đàn	40.953.113	422.053.680
<b>Bảo hiểm y tế</b>	<b>-</b>	<b>1.741.671</b>
Chi nhánh Nam Đàn	-	1.741.671
<b>Bảo hiểm thất nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>35.171.140</b>
Chi nhánh Nam Đàn	-	35.171.140
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>43.541.005.140</b>	<b>54.516.185.565</b>
Văn phòng	42.633.744.130	54.516.185.565
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>39.571.754.010</i>	<i>53.560.887.249</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>3.061.990.120</i>	<i>955.298.316</i>
Chi nhánh Nam Đàn	43.790.000	-
Chi nhánh Hà Nam	863.471.010	-
<b>Cộng</b>	<b>44.745.970.547</b>	<b>55.635.152.814</b>

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Văn phòng</b>		
<b>Vay dài hạn</b>	<b>217.772.411.176</b>	<b>61.436.236.340</b>
<u>Vay ngân hàng</u>	<u>217.319.411.176</u>	<u>60.983.236.340</u>
<i>Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội [1]</i>	<i>49.028.563.046</i>	<i>50.860.823.075</i>
<i>Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hưng Yên [2]</i>	<i>1.962.413.265</i>	<i>10.122.413.265</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình [3]</i>	<i>166.328.434.865</i>	-
<u>Vay đối tượng khác</u>	<u>453.000.000</u>	<u>453.000.000</u>
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Hà Châu</i>	<i>453.000.000</i>	<i>453.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>217.772.411.176</b>	<b>61.436.236.340</b>

[1]: Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội với 3 hợp đồng sau:

1.a. Hợp đồng tín dụng số 2036/IVB-HĐTH/2011 ngày 18/4/2011

Số tiền cho vay : 2.500.000,00 USD.

Thời hạn cho vay : 05 năm.

Lãi suất cho vay : Lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 6% cho 360 ngày; mức lãi suất cho vay sẽ được xem xét điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng Indovina căn cứ vào tình hình chung của thị trường tiền tệ theo từng thời kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

- Mục đích : Thanh toán một phần tiền thuê tài sản từ Công ty TNHH Dệt và Sợi Ý Việt theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị số 0311ĐHSD/HĐMB ký ngày 23/02/2011 giữa Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Dệt và Sợi Ý Việt.
- Hình thức đảm bảo : Toàn bộ các quyền phát sinh từ Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị số 0311ĐHSD/HĐMB ký ngày 23/02/2011 giữa Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Dệt và Sợi Ý Việt.
- Bao gồm:*
- Quyền thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị tại Nhà máy Sợi Kinh Bắc, KM12, đường Quốc lộ 18, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị số 0311ĐHSD/HĐMB ký ngày 23/02/2011 giữa Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Dệt và Sợi Ý Việt.
  - Toàn bộ các quyền, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị không hạn chế bởi: quyền khai thác, quyền chuyển nhượng, quyền cho thuê lại, cho mượn, quyền được bồi thường, quyền được hoàn trả tiền thuê.
  - Tất cả các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà Bên thế chấp nhận được hoặc sẽ nhận được để thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến, và mọi tài sản thuộc mọi tính chất và chủng loại nhằm để trao đổi, thay đổi hay thay thế cho bất kỳ quyền và tài sản nào được đề cập như trên.

**1.b. Hợp đồng tín dụng số 2067/IVB-HĐTH/2013 ngày 21/6/2013**

- Số tiền cho vay : 384.000,00 USD.
- Thời hạn cho vay : 5 năm kể từ ngày 25/6/2013.
- Lãi suất cho vay : Được xác định vào ngày giải ngân căn cứ và tình hình thị trường tiền tệ thực tế tại thời điểm đó.
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất vay hiện hành.
- Mục đích : Mua máy móc thiết bị phục vụ dự án Đầu tư chiều sâu nâng cấp nhà máy sợi Bắc Ninh.
- Hình thức đảm bảo : Toàn bộ máy móc thiết bị được Ngân hàng tài trợ một phần với tổng giá trị ước tính là 10.158.885.100 VND, được liệt kê chi tiết theo biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 10/06/2013, được chứng minh bởi Hợp đồng thế chấp số 2048/IVB-HĐTC-TSHTTVV/2013 ngày 21/06/2013.

**1.c. Hợp đồng tín dụng số 2029/IVB-HĐDH/2013 ngày 05/4/2013**

- Số tiền cho vay : 35.000.000.000 VND.
- Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất cho vay : được xác định vào ngày giải ngân căn cứ và tình hình thị trường tiền tệ thực tế tại thời điểm đó.
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất vay hiện hành.
- Mục đích : Mua máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội - địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Giang, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- Hình thức đảm bảo : toàn bộ nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị được xây dựng và lắp đặt tại Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại Nam Đàn.

Số dư vay tại ngày 31/12/2014 của ba hợp đồng tín dụng với TNHH Indovna - Chi nhánh Hà Nội là 1.139.066,72 USD, tương đương 24.342.994.873 VND và 31.976.161.673 VND. Số phải trả trong năm 2015 là 7.290.593.500 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**[2]: Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên với hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 07/2007/HĐTD ngày 22/5/2007**

- Số tiền cho vay : 90.000.000.000 VND.  
Thời hạn cho vay : 12 năm kể từ ngày 20/4/2004.  
Thời hạn trả nợ gốc : 9 năm kể từ tháng 5/2007.  
Mục đích : Đầu tư mua sắm thiết bị và xây lắp của phần dệt nhuộm (giai đoạn I) của dự án xây dựng Nhà máy dệt kim Khu công nghiệp Phố Nối B - Hưng Yên theo đúng dự án đầu tư được phê duyệt.  
Lãi suất cho vay : Đối với các khoản giải ngân trước ngày 01/01/2007: mỗi lần giải ngân 50% số vốn vay được áp dụng lãi suất 3%/năm, 50% số vốn vay còn lại áp dụng lãi suất 5,4%/năm.  
Đối với số vốn vay thuộc kế hoạch năm 2007 trở đi: lãi suất nợ trong hạn là 7,8%/năm.  
Hình thức đảm bảo : Thế chấp tài sản bao gồm các tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 08/2007/HĐTCTS-TL ngày 06/6/2007.  
Số dư vay tại ngày 31/12/2014 : 10.122.413.265 VND.  
Số phải trả trong năm 2015 : 8.160.000.000 VND

**[3]: Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên với Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ-Hanam-BĐ ký ngày 21/12/2012:**

- Số tiền cho vay : 6.629.832.162 VND.  
: 8.520.126,99 USD.  
Thời hạn cho vay : Theo lịch trả nợ, chậm nhất không quá ngày 24/12/2020.  
Mục đích : Thực hiện dự án nhà máy kéo sợi và dệt may tại Khu công nghiệp Đồng Văn II, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.  
Lãi suất cho vay : Lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng là 11%/năm đối với VND và 6,8%/năm đối với USD. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.  
Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất vay trong hạn.  
Hình thức đảm bảo : Bên vay đảm bảo rằng Bên Cho Vay được ghi tên trong tất cả các hợp đồng bảo hiểm rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp dự án nhà máy kéo sợi và dệt may tại Khu công nghiệp Đồng Văn II với tư cách là bên nhận tiền bảo hiểm đầu tiên.  
Số dư vay tại ngày 31/12/2014 : 8.191.326,99 USD tương đương 175.056.849.103 VND và 5.894.832.162 VND  
Số phải trả trong năm 2015 : 638.400,00 USD tương đương 13.643.246.400 VND và 980.000.000 VND.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÀ NỘI**  
Số 25, Ngõ 13, Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	205.000.000.000	5.593.252.094	-	2.537.523.184	75.992.169.608
Tăng trong năm trước	-	6.741.349.034	-	-	11.334.696.825
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	73.441.213.588
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>205.000.000.000</b>	<b>12.334.601.128</b>	-	<b>2.537.523.184</b>	<b>13.885.652.845</b>
Số dư đầu năm nay	205.000.000.000	12.334.601.128	-	2.537.523.184	13.885.652.845
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	23.938.893.271
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>205.000.000.000</b>	<b>12.334.601.128</b>	-	<b>2.537.523.184</b>	<b>37.824.546.116</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**CỔ PHIẾU**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.500.000	20.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.500.000</i>	<i>20.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>20.500.000</i>	<i>20.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.500.000</i>	<i>20.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn góp đầu năm	205.000.000.000	205.000.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	205.000.000.000	205.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	36.900.000.000

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm	<b>13.885.652.845</b>	<b>75.992.169.608</b>
Tăng trong năm	<b>23.938.893.271</b>	<b>11.334.696.825</b>
Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	23.938.893.271	11.334.696.825
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>73.441.213.588</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	6.741.349.034
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	29.799.864.554
Chi trả cổ tức năm 2013	-	12.300.000.000
Tạm trả cổ tức năm 2014	-	24.600.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>37.824.546.116</b>	<b>13.885.652.845</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>936.803.979.032</b>	<b>785.008.330.034</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	912.322.559.066	620.013.535.891
Văn phòng	911.337.542.892	617.787.282.040
Chi nhánh Nam Đàn	985.016.174	2.226.253.851
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác</b>	<b>24.481.419.966</b>	<b>164.994.794.143</b>
Văn phòng	24.481.419.966	164.994.794.143
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>124.152.661</b>	<b>78.568.251</b>
Giảm giá hàng bán	124.152.661	78.568.251
Văn phòng	124.152.661	78.568.251
<b>Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>936.679.826.371</b>	<b>784.929.761.783</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán</b>	<b>838.330.034.065</b>	<b>578.232.478.351</b>
Văn phòng	819.538.972.077	557.706.441.409
Chi nhánh Bắc Ninh	2.287.714.687	7.786.939.755
Chi nhánh Nam Đàn	13.721.925.741	12.739.097.187
Chi nhánh Hà Nam	2.781.421.560	-
<b>Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp, giá vốn khác</b>	<b>25.117.992.062</b>	<b>163.881.627.805</b>
Văn phòng	25.117.992.062	163.881.627.805
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>11.080.565.026</b>	<b>4.943.955.589</b>
Văn phòng	9.260.537.731	4.779.974.186
Chi nhánh Bắc Ninh	1.820.027.295	163.981.403
<b>Cộng</b>	<b>874.528.591.153</b>	<b>747.058.061.745</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Văn phòng</b>	<b>24.144.571.603</b>	<b>8.353.519.040</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.074.345.168	2.440.442.878
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.860.451.000	3.945.443.350
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.247.042.266	1.882.017.494
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	62.182.846
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.962.733.169	23.432.472
<b>Chi nhánh Bắc Ninh</b>	<b>2.295.981</b>	<b>1.096.540</b>
Lãi tiền gửi	2.295.981	1.096.540
<b>Chi nhánh Nam Đàn</b>	<b>1.216.263</b>	<b>2.268.564</b>
Lãi tiền gửi	1.216.263	2.268.564
<b>Chi nhánh Hà Nam</b>	<b>176.472</b>	-
Lãi tiền gửi	176.472	-
<b>Cộng</b>	<b>24.148.260.319</b>	<b>8.356.884.144</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Văn phòng</b>	<b>38.268.782.037</b>	<b>39.500.369.714</b>
Lãi tiền vay	24.720.455.887	21.287.928.271
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.820.157.557	2.043.958.735
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.592.238.864	708.959.289
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	5.135.929.729	15.479.114.116
Chi phí tài chính khác	-	(19.590.697)
<b>Cộng</b>	<b>38.268.782.037</b>	<b>39.500.369.714</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**25. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Văn phòng</b>	<b>38.693.955.586</b>	<b>136.254.954.958</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.267.272.727	11.578.693.900
Xử lý công nợ không phải trả	-	2.513.901.601
Hỗ trợ tiền trợ cấp thôi việc	-	2.158.926.913
Phí thương hiệu	-	1.477.189.661
Thu nhập từ hỗ trợ di dời	5.436.157.768	90.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	30.499.279.956	27.502.097.864
Thu tiền phạt hợp đồng	-	149.559.425
Thu nhập khác	491.245.135	874.585.594
<b>Chi nhánh Hà Nam</b>	<b>20.690.106</b>	<b>4.951</b>
Thu nhập khác	20.690.106	4.951
<b>Chi nhánh Nam Đàn</b>	<b>12.049.678</b>	<b>-</b>
Thu nhập khác	12.049.678	-
<b>Thu nhập khác</b>	<b>38.726.695.370</b>	<b>136.254.959.909</b>
<b>Văn phòng</b>	<b>3.887.098.032</b>	<b>83.282.012.619</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	1.318.322.479	1.502.090.466
Tiền phạt thuế	2.420.105.643	1.216.968.536
Thuế nhà thầu không thu được	-	75.715.945
Chi phí di dời	-	80.487.237.672
Chi phí khác	148.669.910	-
<b>Chi nhánh Bắc Ninh</b>	<b>688.894</b>	<b>1.136</b>
Chi phí khác	688.894	1.136
<b>Chi nhánh Nam Đàn</b>	<b>19.270.029</b>	<b>12.503.394</b>
Chi phí khác	19.270.029	12.503.394
<b>Chi nhánh Hà Nam</b>	<b>1.091.625</b>	<b>-</b>
Chi phí khác	1.091.625	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>3.908.148.580</b>	<b>83.294.517.149</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>34.818.546.790</b>	<b>52.960.442.760</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	26.335.919.606	14.515.744.323
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán (2)		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	2.420.105.643	2.169.286.736
Chi phí không có hóa đơn, chứng từ	-	184.744.340
Khấu hao tài sản không phục vụ sản xuất kinh doanh	-	767.573.860
Các khoản phạt chậm nộp về thuế	2.420.105.643	1.216.968.536
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	17.860.451.000	3.960.841.069
Cổ tức nhận được	17.860.451.000	3.945.443.350
Lỗi chênh lệch tỷ giá của tiền, đầu tư năm trước	-	15.397.719
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (3)=(1)+(2a)-(2b)</b>	<b>10.895.574.249</b>	<b>12.724.189.990</b>
Thuế suất thuế TNDN (4)	22%	25%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (5)=(3)x(4)</b>	<b>2.397.026.335</b>	<b>3.181.047.498</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.463.489.147	184.170.719.109
Chi phí nhân công	120.957.004.227	62.624.207.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.034.173.329	13.388.379.675
Chi phí khác	159.658.758.983	63.269.906.973
<b>Cộng</b>	<b>461.113.425.686</b>	<b>323.453.212.969</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	23.938.893.271	11.334.696.825
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2=1+2a-2b)</b>	<b>23.938.893.271</b>	<b>11.334.696.825</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (3)	20.500.000	20.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (4)=(2)/(3)</b>	<b>1.168</b>	<b>553</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2014 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các giao dịch sau với bên liên quan*

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan</b>		
Bán hàng và cho thuê tài sản	88.012.115.998	7.758.527.824
Phí thương hiệu	-	770.686.400
Thu tiền bán hàng	69.768.385.900	7.923.195.060
Bù trừ công nợ với tiền mua cổ phần	-	16.660.000.000
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	20.727.766.025	18.198.610.927
Bù trừ công nợ ba bên	1.333.267.815	500.000.000
Cổ tức nhận được	2.809.400.000	1.223.040.000
Cho vay	-	900.000.000
Thu tiền vay	-	900.000.000
Tặng vốn đầu tư	-	16.660.000.000
Mua hàng và dịch vụ	42.455.580.229	24.530.954.857
Mua tài sản	-	874.588.000
Bù trừ công nợ phải thu khác	-	1.000.000.000
Trả hộ công nợ của Công ty Cổ phần Nam Đan	-	10.729.196
Bù trừ với công nợ của Công ty Cổ phần Nam Đan	-	29.270.804
Trả tiền mua hàng	20.050.210.250	7.117.501.930
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex</b>		
Bán hàng	881.188.432	1.833.094.421
Phí thương hiệu	-	103.093.827
Lãi tiền vay	213.000.002	154.416.667
Thu tiền bán hàng	1.193.144.209	2.009.825.837
Mua hàng và cước vận chuyển	11.055.799.283	10.497.247.704
Trả tiền mua hàng	10.582.574.205	10.458.685.444
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	220.897.714	213.335.144
Bù trừ công nợ phải trả và phải thu khác	125.234.020	-
Cho vay	2.000.000.000	2.000.000.000
Trả tiền vay	2.000.000.000	1.000.000.000
Chia cổ tức	255.350.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex</b>		
Bán hàng	2.007.164.095	489.952.745
Lãi tiền vay	213.055.554	747.820.832
Điều chỉnh đối tượng công nợ	10.833.333	-
Thu tiền bán hàng và lãi vay	2.413.525.469	10.457.487.764
Thu tiền lãi vay	-	917.444.351
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	60.534.439	172.619.609
Mua hàng	67.534.437	172.619.609
Trả tiền mua hàng	12.999.998	-
Phải thu tiền hỗ trợ di dời	-	1.048.801.605
Trả tiền hỗ trợ di dời	-	2.848.801.605
Cho vay	-	3.000.000.000
Trích trước tiền lãi vay phải thu	-	10.833.333
Điều chỉnh các khoản hỗ trợ của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	6.000.000	-
Cổ tức nhận được	1.170.000.000	1.170.000.000
Thu tiền vay	3.000.000.000	
<b>Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex</b>		
Bán hàng và cho thuê tài sản	41.569.212.308	59.223.845.908
Lãi tiền vay	-	66.666.667
Thu tiền bán hàng	-	17.623.412.939
Thu tiền lãi vay	-	-
Thu tiền gốc vay	-	2.000.000.000
Mua hàng và thuê gia công	51.756.774.860	49.378.940.869
Trả tiền mua hàng	-	15.207.137.553
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	51.756.774.860	34.103.553.316
Bù trừ công nợ phải trả và tiền công đoàn phí	-	68.250.000
<b>Công ty Cổ phần May Halotexco</b>		
Bán hàng và máy móc thiết bị	21.670.884.227	44.685.210.053
Phí thương hiệu	-	245.372.000
Mua hàng và thuê gia công	41.874.034.506	67.522.792.194
Chi phí đào tạo công nhân	-	394.373.907
Trả tiền mua hàng	20.540.000.000	19.063.811.298
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	21.670.884.227	46.448.753.624
Bù trừ công nợ ba bên	1.333.267.815	500.000.000
Cổ tức nhận được	281.625.000	164.043.750

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Công ty TNHH MTV Hà Nam Hanosimex</b>		
Bán vật tư và sản phẩm khác	10.837.713.714	128.579.934.095
Mua hàng và thuê gia công	12.100.123.137	25.796.289.476
Phải trả tiền điện, chi phí khấu hao	70.978.075.970	58.998.668.048
Chi phí nhân công	21.059.176.352	28.298.841.642
Trả tiền mua hàng và thuê gia công	60.028.641.847	57.286.669.672
Mua Tài sản cố định	632.363.816	-
Chuyển tiền	208.055.704.849	42.631.804.899
Thu tiền	-	25.847.826.136
Phải trả bảo hiểm xã hội	530.789.765	9.894.033.464
Phải trả về lương	2.440.271.476	27.829.782
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	13.935.203.238	24.075.087.284
Bù trừ công nợ phải thu khác và phải trả	39.022.317.814	26.212.993.698
Phải trả tiền thuê máy móc, nhà xưởng	47.499.567	495.480.801
<b>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ</b>		
Bán vật tư và sản phẩm	8.403.716.169	6.059.473.017
Cho thuê xe	2.000.000	-
Thu tiền bán hàng	11.367.429.739	470.301.515
Điều chỉnh khác	12.280.759	-
Mua hàng và thuê gia công	1.386.533.894	3.578.275.716
Trả tiền	-	600.000.000
Cổ tức nhận được	185.440.000	162.260.000
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	1.386.533.894	3.578.275.716
<b>Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông</b>		
Phí thương hiệu	-	481.219.200
Bán hàng	75.653.685.315	23.292.369.707
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	191.061.465	1.857.668.129
Thu tiền bán hàng	73.655.940.736	24.858.386.304
Tiền lãi vay	-	1.196.467.330
Trả tiền vay	-	33.202.088.708
Bù trừ gốc vay với nợ phải thu	-	6.797.911.292
Giảm khác	48.796.415	-
Mua hàng	191.061.465	661.200.799
Giảm khoản phải thu hỗ trợ di dời	-	67.500.000.000
Bù trừ ba bên	1.531.244.000	-
Cổ tức nhận được	1.114.636.000	1.226.099.600

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Công ty Cổ phần Vinatex - Hồng Lĩnh</b>		
Bán hàng hóa	10.795.670.208	8.273.383.000
Bán máy móc thiết bị	-	12.706.621.900
Thu tiền bán hàng	10.090.430.856	1.000.000.000
Mua hàng	401.707.556	809.622.000
Bù trừ tiền hàng và vốn góp	-	12.754.815.368
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	763.500.856	809.622.000
Bù trừ phải thu khác và vốn góp	419.916.314	5.095.184.632
Vốn góp bằng tiền	-	7.150.000.000
Mua Tài sản cố định	361.793.300	-
<b>Số dư với bên liên quan</b>		
	<b>31/12/2014</b> VND	<b>01/01/2014</b> VND
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Vốn góp đầu tư	118.018.500.000	118.018.500.000
Cổ tức phải trả	39.326.240.000	25.163.120.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan</b>		
Phải thu	-	1.817.303.995
Vốn góp đầu tư	26.653.336.785	26.653.336.785
Phải trả người bán	1.997.633.798	1.129.430.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Hải phòng - Hanosimex</b>		
Phải thu	-	319.853.489
Phải thu khác	7.455.350.000	7.325.234.020
Vốn góp đầu tư	5.107.360.406	5.107.360.406
Phải trả	762.645.917	635.552.573
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex</b>		
Phải thu	159.279.088	402.286.014
Phải thu khác	-	3.010.833.333
Vốn góp đầu tư	5.850.000.000	5.850.000.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex</b>		
Phải thu	3.625.700.784	13.813.263.336
Vốn góp đầu tư	14.000.000.000	14.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Halotexco</b>		
Vốn góp đầu tư	1.877.500.000	1.877.500.000
Phải trả	364.483.643	3.034.601.179
<b>Công ty TNHH MTV Hà Nam Hanosimex</b>		
Phải thu	101.407.357.287	104.504.846.811
Phải thu khác	359.420.623.087	193.358.297.293
Vốn góp đầu tư	100.000.000.000	100.000.000.000
Phải trả	-	8.168.924.057



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Công ty Cổ phần Coffee Indochina</b>		
Phải thu khác	133.333.000	133.333.000
Vốn góp đầu tư	585.750.000	585.750.000
<b>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ</b>		
Phải thu	2.320.976.447	8.692.400.456
Vốn góp đầu tư	1.319.953.370	1.319.953.370
Phải trả	600.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông</b>		
Phải thu	2.813.647.941	2.587.005.242
Vốn góp đầu tư	6.303.594.560	6.303.594.560
<b>Công ty Cổ phần Cơ điện Hanosimex</b>		
Vốn góp đầu tư	750.000.000	750.000.000
<b>Công ty Cổ phần Vinatex - Hồng Lĩnh</b>		
Phải thu	6.844.735.942	6.483.081.132
Vốn góp đầu tư	25.000.000.000	25.000.000.000
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>		
	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
Tổng thu nhập	947.803.742	933.855.976
<b>Cộng</b>	<b>947.803.742</b>	<b>933.855.976</b>

**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành 02 bộ phận hoạt động: bộ phận may mặc, bộ phận cung cấp dịch vụ. Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo 02 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 02 bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động may mặc: sản xuất, bán sợi, hàng may mặc và các nguyên vật liệu, phụ tùng đi kèm;

Bộ phận cung cấp dịch vụ: cho thuê tài sản, chuyển giao các công trình xây dựng;

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**Năm 2014**

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2014**

Đơn vị tính : VND

	Hoạt động may mặc	Cung cấp dịch vụ	Cộng
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	477.623.902.681	51.026.129.869	528.650.032.550
Tài sản không phân bổ			572.956.994.873
<b>Cộng</b>	<b>477.623.902.681</b>	<b>51.026.129.869</b>	<b>1.101.607.027.423</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ			843.910.356.995
<b>Cộng</b>			<b>843.910.356.995</b>

**Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014**

Đơn vị tính : VND

	Hoạt động may mặc	Cung cấp dịch vụ	Cộng
<b>Doanh thu</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	912.198.406.405	24.481.419.966	936.679.826.371
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>912.198.406.405</b>	<b>24.481.419.966</b>	<b>936.679.826.371</b>
Giá vốn hàng bán	849.410.599.091	25.117.992.062	874.528.591.153
Chi phí không phân bổ			56.513.340.684
Doanh thu hoạt động tài chính			24.148.260.319
Chi phí tài chính			38.268.782.037
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(8.482.627.184)
Lãi (lỗ) khác			34.818.546.790
Lợi nhuận trước thuế			26.335.919.606
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			2.397.026.335
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>23.938.893.271</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

**Năm 2013**

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2013**

	Hoạt động may mặc	Cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính : VND Cộng
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	471.544.675.749	59.266.719.842	530.811.395.591
Tài sản không phân bổ			517.878.189.515
<b>Cộng</b>	<b>471.544.675.749</b>	<b>59.266.719.842</b>	<b>1.048.689.585.106</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ			814.931.807.949
<b>Cộng</b>			<b>814.931.807.949</b>

**Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013**

	Hoạt động may mặc	Cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính : VND Cộng
<b>Doanh thu</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	619.934.967.640	164.994.794.143	784.929.761.783
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>619.934.967.640</b>	<b>164.994.794.143</b>	<b>784.929.761.783</b>
Giá vốn hàng bán	583.176.433.940	163.881.627.805	747.058.061.745
Chi phí không phân bổ			45.172.912.905
Doanh thu hoạt động tài chính			8.356.884.144
Chi phí tài chính			39.500.369.714
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(38.444.698.437)
Lãi (lỗ) khác			52.960.442.760
Lợi nhuận trước thuế			14.515.744.323
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			3.181.047.498
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>11.334.696.825</b>

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.17.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	<b>Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.704.790.431	84.710.844.560
Phải thu khách hàng	208.314.170.384	190.194.589.305
Các khoản phải thu khác	370.595.075.575	293.079.384.925
<b>Cộng</b>	<b>633.614.036.390</b>	<b>567.984.818.790</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	303.399.335.168	333.425.004.325
Vay và nợ dài hạn	217.772.411.176	61.436.236.340
Phải trả người bán	93.498.281.378	142.726.924.034
Các khoản phải trả khác	44.728.423.557	54.516.185.566
<b>Cộng</b>	<b>659.398.451.279</b>	<b>592.104.350.265</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Tổng công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tổng công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Tổng công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) và Đồng tiền chung châu Âu (EUR) vì các giao dịch mua hàng lớn đều bằng USD và EUR.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Rủi ro tiền tệ của Tổng công ty đối với USD và EUR như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>46.393.835.713</b>	<b>38.710.821.146</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.658.015.126	13.637.481.008
Phải thu khách hàng	43.735.820.587	25.073.340.138
<b>Nợ tài chính</b>	<b>549.967.079.459</b>	<b>285.661.908.424</b>
Vay và nợ ngắn hạn	286.968.741.668	148.862.906.650
Vay và nợ dài hạn	185.756.597.576	20.405.136.902
Phải trả người bán	77.241.740.215	116.393.864.872
<b>(Nợ)/ Tài sản tài chính thuần</b>	<b>(503.573.243.746)</b>	<b>(246.951.087.278)</b>
Cộng: cam kết mua ngoại tệ	-	-
Trừ: mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	-
<b>Mức độ rủi ro tiền tệ</b>	<b>(503.573.243.746)</b>	<b>(246.951.087.278)</b>

- *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31/12/2014, lãi suất của các khoản vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ, do đó Công ty chịu rủi ro lãi suất.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Tổng công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Tổng công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tổng công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	461.170.986	-
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	-	475.090.785
Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	-	363.231.223
Quá hạn trên 3 năm	5.416.823.223	5.616.823.223
<b>Cộng</b>	<b>5.877.994.209</b>	<b>6.455.145.231</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán tổng hợp đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>
<b>Tại 31/12/2014</b>		
Vay và nợ	303.399.335.168	217.772.411.176
Phải trả người bán	93.498.281.378	-
Các khoản phải trả khác	43.541.005.141	-
<b>Cộng</b>	<u><b>440.438.621.687</b></u>	<u><b>217.772.411.176</b></u>
<b>Tại 01/01/2014</b>		
Vay và nợ	333.425.004.325	61.436.236.340
Phải trả người bán	142.726.924.034	-
Các khoản phải trả khác	54.516.185.566	-
<b>Cộng</b>	<u><b>530.668.113.925</b></u>	<u><b>61.436.236.340</b></u>

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
Phải thu quá hạn hơn 01 năm	5.877.994.209	6.455.145.231
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.555.174.519)	(6.108.630.472)
<b>Cộng</b>	<u><b>322.819.690</b></u>	<u><b>346.514.759</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**


**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng và được trình bày lại cho phù hợp với năm hiện hành.

**Người lập biểu**

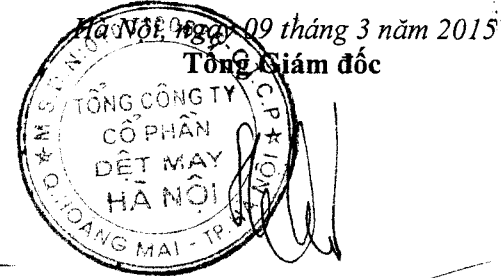


**Đỗ Minh Sơn**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Trí Sơn**



**Nguyễn Song Hải**